

HOÀN THIÊN CÁC CHỨC NĂNG TỔ TỤNG HÌNH SỰ TRONG TIẾN TRÌNH CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở NƯỚC TA

*Nguyễn Mạnh Hùng **

1. Vấn đề phân định các chức năng trong tố tụng hình sự

Điểm chung nhất của tố tụng hình sự (TTHS) là khám phá chính xác, kịp thời, xử lý công minh mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Chính yêu cầu giải quyết nhiệm vụ chung cơ bản này của TTHS đòi hỏi hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng (THTT) có chức năng, thẩm quyền khác nhau phải được liên kết, phối hợp một cách hài hoà, theo những nguyên tắc nhất định để đảm bảo hiệu quả cao nhất trong hoạt động chung của các cơ quan tư pháp hình sự. TTHS là toàn bộ hoạt động trong mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án; người tiến hành tố tụng (Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án) và của những người tham gia tố tụng (bị can, bị cáo, người bào chữa, người giám định, người phiên dịch...) nhằm giải quyết vụ án hình sự theo đúng qui định của pháp luật.

Chức năng tố tụng là những định hướng của các hoạt động tố tụng. Hoạt động TTHS được đặc trưng bởi các chức năng cơ bản có mối quan hệ mật thiết và không thể tách rời nhau. Đó là chức năng buộc tội, chức năng bảo vệ và bào chữa, chức năng xét xử. Những chức năng này thể hiện trong quá trình giải quyết tất cả các vụ án hình sự. Ở từng giai đoạn, các chức năng này thuộc về một số chủ thể nhất định. Để thực hiện chức năng của mình, các chủ thể có một số giới hạn do pháp luật TTHS quy định về các quyền và nghĩa vụ pháp lý.

Sở dĩ trong TTHS có sự phân biệt các chức năng, bởi vì các chủ thể tố tụng có những mục đích khác nhau, quyền và nghĩa vụ khác nhau trong những phạm vi nhất định. Mục đích cuối cùng của TTHS là đảm bảo việc giải quyết vụ án đúng đắn: "đúng người, đúng tội, đúng pháp luật". Để đạt được mục đích đó đòi hỏi phải tiến hành rất nhiều các hoạt động tố tụng, các hoạt động đó do nhiều chủ thể tiến hành, đảm bảo cho hoạt động tố tụng được tiến hành nhịp nhàng, đúng pháp luật. Nhiệm vụ đặt ra là phải có sự phân định các hoạt động tố tụng của các chủ thể một cách rõ ràng, cụ thể phù hợp với khả năng, điều kiện, phù hợp với mục đích và yêu cầu của các bên và đặc biệt là quyền và nghĩa vụ tố tụng của các chủ thể.

Các chủ thể của quan hệ pháp luật TTHS đều hướng hành vi tố tụng của mình vào việc thực hiện một mục đích tương ứng nhất định do pháp luật quy định. Các hoạt động TTHS được thể hiện dưới nhiều hình thức phong phú và đa dạng.

Tuy còn nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm TTHS, về bản chất của TTHS nhưng cho đến nay đã có một sự thừa nhận tương đối thống nhất về sự tồn tại của ba chức năng cơ bản trong TTHS: chức năng buộc tội, chức năng bào chữa và chức năng xét xử. Vì vậy, một phiên tòa được tiến hành nhằm thực hiện hoạt động xét xử nhân danh quyền lực của Nhà nước không thể thiếu và không được thiếu sự tham gia của ba chủ thể thực hiện ba chức năng cơ bản trên của TTHS.

Hoạt động của TTHS dù là ở bất kỳ mô hình tố tụng nào cũng đều là sự gắn kết hữu cơ không thể tách rời của ba chức năng trên. Sự tồn tại của một chức năng này là điều kiện, tiền đề cho sự tồn tại của hai chức năng kia và ngược lại. Vì vậy, để một vụ án đạt

* Th.s Luật học, Phó trưởng Công an quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

được mục tiêu, thực hiện được nhiệm vụ của TTHS, phiên tòa không thể tiến hành khi thiếu một trong ba chủ thể đại diện cho các chức năng nói trên. Chỉ được xét xử một vụ án hình sự khi có sự buộc tội và phải là sự buộc tội cụ thể: buộc tội đối với ai (?), buộc tội với hành vi nào(?). Chủ thể thực hiện chức năng buộc tội - chủ thể thứ nhất. Và từ đó người bị buộc tội hoặc là tự mình hoặc là nhờ một hay nhiều người khác giúp mình chống lại sự buộc tội đó, tức là thực hiện chức năng bào chữa - đây là chủ thể thứ hai. Còn chủ thể thứ ba không thực hiện việc buộc tội cũng không thực hiện việc bào chữa, chính là chủ thể thực hiện chức năng xét xử, thực hiện việc xét xử vụ án trên cơ sở những hồ sơ, chứng cứ được cung cấp, giải quyết vụ án trên diễn biến thực tế tại phiên tòa với sự đối trọng của hai chức năng kia đó chính là Tòa án.

Chính từ tất yếu khách quan về sự tồn tại đương nhiên của ba chức năng: buộc tội, bào chữa và xét xử mà hoạt động xét xử sơ thẩm luôn luôn phải được tiến hành và chỉ được tiến hành khi có sự hiện diện đầy đủ của ba chủ thể trên.

Như vậy, chức năng TTHS là những định hướng lớn, cơ bản, nhằm phân định các hoạt động trong lĩnh vực TTHS của các chủ thể khác nhau trong những phạm vi nhất định trên cơ sở phù hợp với mục đích, quyền và nghĩa vụ tố tụng của các bên tố tụng. Buộc tội là một trong những chức năng cơ bản trong TTHS có vai trò quan trọng, nhất là trong hình thức buộc tội nhân danh Nhà nước. Chức năng buộc tội còn gọi là chức năng truy cứu trách nhiệm hình sự. Là một dạng hoạt động tố tụng nhằm phát hiện kẻ phạm tội, chứng minh lỗi của người đó, bảo đảm phán xử bằng hình phạt đối với người đó.

Hoạt động TTHS bắt đầu từ khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự, thậm chí trong một số trường hợp thời điểm này bắt đầu sớm hơn (bắt người trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang). Tuy nhiên, chức năng buộc tội thật sự bắt đầu khi có quyết

định khởi tố bị can, kể từ thời điểm này cơ quan có thẩm quyền chính thức buộc tội đối với cá nhân.

Người bị buộc tội thực hiện hành vi phạm tội nào đó được luật thừa nhận khả năng bào chữa, chống lại sự buộc tội, bác bỏ nó bằng cách đưa ra các chứng cứ và lập luận nhằm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của mình. Trong quá trình điều tra và xét xử vụ án cần làm sáng tỏ không chỉ những khẳng định sự buộc tội mà còn những gì có lợi cho bị cáo. Đó là nội dung của chức năng bào chữa.

Để thực hiện chức năng bào chữa, chủ thể đưa ra các căn cứ hoặc lập luận để làm sáng tỏ không chỉ để bác bỏ sự khẳng định buộc tội mà còn làm rõ những gì có lợi cho bị can, bị cáo.

Chức năng xét xử trong hoạt động tố tụng của Tòa án nhằm xem xét, quyết định người bị buộc tội có tội hay không và trách nhiệm hình sự đối với người có tội. Chức năng xét xử bắt đầu từ khi Tòa án có thẩm quyền nhận hồ sơ vụ án nào đó và cáo trạng do Viện kiểm sát (VKS) chuyển sang và vào sổ thụ lý của Tòa án. Chức năng xét xử về cơ bản sẽ kết thúc khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, vai trò xét xử của Tòa án vẫn tiếp tục được thể hiện ở các giai đoạn sau.

Về chức năng cơ bản của TTHS, hiện nay vẫn còn một số ý kiến khác nhau. Có ý kiến cho rằng, trong TTHS ngoài ba chức năng buộc tội, bào chữa và xét xử còn có một chức năng cơ bản đó là chức năng điều tra. Những người theo quan điểm này cho rằng buộc tội chỉ xuất hiện ở giai đoạn xét xử sơ thẩm tại phiên tòa và do VKS thực hiện, còn trong giai đoạn điều tra chỉ có chức năng điều tra. Chức năng điều tra không đồng nhất với chức năng buộc tội, mà đó là chức năng độc lập, có đối tượng và nội dung cụ thể, riêng biệt. Theo đó, trong giai đoạn điều tra không có sự buộc tội, còn hoạt động của Điều tra viên đó là thực hiện chức năng điều tra, một chức năng có trước giai đoạn xét xử.

Theo quan điểm này, thông qua giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra (CQĐT) thu thập tất cả các chứng cứ để làm rõ sự thật của vụ án, hoạt động này chưa có mục đích buộc tội hay bào chữa cho một chủ thể nào... Về cơ bản, chúng tôi đồng tình với quan điểm này vì chỉ như vậy hoạt động điều tra mới không bị quyết định trước bởi thiên hướng buộc tội và là tiền đề quan trọng cho việc chống oan, sai trong tất cả các khâu tố tụng tiếp theo. Mặt khác, như chúng ta đã biết, theo qui định của Điều 58 Bộ luật TTHS 2003, thì ở giai đoạn điều tra, Luật sư của bị can có khả năng tham gia kể từ khi khởi tố bị can và một số trường hợp từ khi có quyết định tạm giữ.

Điều đó có nghĩa rằng, trong hoạt động điều tra có khả năng xuất hiện một trong hai chức năng. Nếu kết quả điều tra cho thấy có đủ căn cứ cần thiết để cho rằng người nào đó đã thực hiện hành vi phạm tội thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố bị can, kể từ thời điểm này hoạt động tố tụng buộc tội chính thức được tiến hành nhằm chống lại bị can. Và vì thế vào thời điểm này, chức năng buộc tội bắt đầu được thực hiện mà không phải đến giai đoạn xét xử mới có. Chức năng điều tra trong trường hợp này là một bộ phận cấu thành sự buộc tội. Nhưng sẽ không đúng nếu cho rằng, khi tiến hành khởi tố bị can là cơ quan điều tra đã thực hiện sự buộc tội đối với bị can.

Một số tác giả khác cho rằng, TTHS có bốn chức năng cơ bản đó là buộc tội, bào chữa, xét xử và chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật. Chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật do VKS thực hiện và hoạt động này trong TTHS được coi là hoạt động vô cùng quan trọng trong tất cả các giai đoạn TTHS. Những người theo quan điểm này cho rằng khi tham gia vào quan hệ pháp luật TTHS, ngoài chức năng buộc tội, VKS còn có chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật. Chúng tôi cho rằng, giám sát tuân theo

pháp luật là chức năng chung - chức năng nhà nước mà không thể được coi là chức năng tố tụng. Cần khẳng định một cách dứt khoát rằng, các chức năng tố tụng là độc lập với nhau, phản ánh quyền và nghĩa vụ cũng như nhiệm vụ khác nhau của các chủ thể tham gia TTHS.

2. Chức năng xét xử và vấn đề giới hạn xét xử sơ thẩm của Tòa án

2.1. Chức năng xét xử

Trong ba chức năng cơ bản của TTHS, chức năng xét xử được coi là chức năng trung tâm. Chức năng xét xử chỉ xuất hiện ở giai đoạn xét xử, là giai đoạn trung tâm, có tính chất quyết định. Tại đây với sự có mặt đầy đủ của tất cả các chủ thể, quá trình tranh tụng được tiến hành thông qua hoạt động của các bên buộc tội, bào chữa, với sự điều khiển của Tòa án. Trong suốt quá trình tranh luận tại phiên tòa, vai trò trung tâm và quyết định luôn thuộc về Tòa án. Tòa án có quyền đưa ra quyết định cuối cùng về vụ án trên cơ sở các chứng cứ do các bên tham gia tố tụng đưa ra tại phiên tòa để kết thúc tố tụng.

Ở nước ta, chức năng xét xử được giao cho Tòa án thực hiện. Điều này được khẳng định ngay từ Hiến pháp đầu tiên 1946 và các bản Hiến pháp 1959, Hiến pháp 1980, Hiến pháp 1992. Theo đó một người chỉ bị coi là có tội khi có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, có sự xuất hiện cùng một lúc ba chức năng tố tụng: buộc tội, bào chữa và xét xử nên có sự đa dạng về phạm vi chủ thể. Xét xử sơ thẩm được xem là giai đoạn mở đầu cho hoạt động xét xử của Tòa án, nên hiệu quả của giai đoạn này không chỉ có ý nghĩa trong việc phán xét một người có tội hay không mà còn ảnh hưởng đến việc xuất hiện của các hoạt động xét lại bản án của Tòa án sau này.

Hiệu quả xét xử sơ thẩm phụ thuộc vào quy định của pháp luật trong việc quy định

chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể thực hiện, đồng thời phụ thuộc vào chính hoạt động của Toà án với vai trò chủ thể của chức năng xét xử.

Trong pháp luật TTHS nước ta hiện nay, nghĩa vụ chứng minh tội phạm và người phạm tội thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các chức năng trong tố tụng chưa được phân định một cách rõ ràng. Theo qui định về điều tra, các CQĐT có nhiệm vụ thu thập, bảo quản, đánh giá tất cả các chứng cứ, các tình tiết có liên quan đến vụ án, tức là thuần túy xác định sự thật, xác định các dữ kiện. Nhưng CQĐT lại chịu sự chỉ đạo của VKS, tức người thực hiện chức năng buộc tội. Vậy quan hệ giữa Kiểm sát viên - công tố với CQĐT là mối quan hệ gì (?). Trong thực tế các CQĐT, cả Công tố viên, thậm chí cả Thẩm phán cùng thực hiện một hoạt động là điều tra, thẩm vấn. Điều này một mặt làm giảm hiệu quả của tố tụng, mặt khác không tạo ra sự phân công, phân nhiệm rõ ràng, và từ đó dễ ảnh hưởng đến tính độc lập trong hoạt động của các cơ quan, cán bộ tư pháp. Giai đoạn xét xử muốn đạt hiệu quả, bản thân các quy định pháp luật về xét xử phải thể hiện sự phân định rạch ròi về việc thực hiện các chức năng tố tụng.

2.2 Vấn đề giới hạn xét xử sơ thẩm của Toà án

Trước năm 1988, pháp luật TTHS không quy định về giới hạn xét xử của Toà án. Đến năm 1988 Bộ luật TTHS ra đời đã có quy định về giới hạn xét xử của Toà án. Tại Điều 170 Bộ luật TTHS 1988 đã quy định: "Toà án chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và Toà án đã quyết định đưa ra xét xử". Điều 196 Bộ luật TTHS 2003 quy định: "Toà án chỉ xét xử những bị cáo và hành vi phạm tội mà Viện kiểm sát truy tố và Toà án đã quyết định đưa ra xét xử".

Toà án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc một tội khác

bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát truy tố.

Thời kỳ trước khi Bộ luật TTHS năm 1988 có hiệu lực, quan hệ tố tụng giữa Toà án và Viện kiểm sát trong phiên toà xét xử không được điều chỉnh bằng các văn bản pháp luật có giá trị pháp lý cao như luật, pháp lệnh... và đặc biệt khi giữa hai cơ quan tiến hành tố tụng xảy ra những bất đồng ý kiến về vấn đề nào đó thuộc vụ án hình sự đang xét xử thì về cơ bản chúng được giải quyết thông qua sự thương lượng giữa lãnh đạo của hai cơ quan đang thụ lý vụ án hoặc lãnh đạo của hai cơ quan cấp trên. Sự lẫn lộn giữa quan hệ hành chính và quan hệ tố tụng trong trường hợp này thường dẫn đến việc quyết định vấn đề nào đó của vụ án trên cơ sở quy định của pháp luật và điều này ảnh hưởng đến hiệu quả của TTHS. Giới hạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được quy định trong Bộ luật TTHS là sự khẳng định rõ nét nhất tính độc lập của các chức năng tố tụng.

Toà án là cơ quan duy nhất được Nhà nước giao cho chức năng xét xử, tức giao cho quyền quyết định một người có phạm tội hay không phạm tội; nếu phạm tội thì phạm tội gì; quyết định áp dụng hình phạt đối với người phạm tội như thế nào; và không ai có thể có định kiến trước khi vụ án chưa được xét xử. Việc điều tra trước khi xét xử chỉ là sơ bộ và tội phạm được Cơ quan điều tra đề nghị truy tố hoặc Viện kiểm sát truy tố cũng chỉ là nhận định của cơ quan đó. Nhận định của các cơ quan đó thường thì đúng, nhưng cũng có khi không hoàn toàn đúng, cũng có lúc sai. Vì thế có ý kiến cho rằng, không thể có giới hạn bắt buộc đối với Toà án về việc xét xử. Viện kiểm sát truy tố về hành vi phạm tội của bị cáo, còn hành vi đó là tội gì, hình phạt áp dụng ra sao thì Viện kiểm sát là bên kết tội có quyền đề xuất với Toà án chứ không thể bắt buộc đối với Toà án.

Không những Toà án có nhiệm vụ xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật mà tất cả các cơ quan, trong đó có Viện kiểm

sát phải tuân thủ nguyên tắc tiến hành tố tụng này.

Do đó, quy định của Điều 196 Bộ luật TTHS 2003 vừa đảm bảo nguyên tắc trong tố tụng và tôn trọng quyền tài phán của Tòa án là cơ quan xét xử duy nhất của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, vừa chỉ rõ giới hạn của các chức năng tố tụng mà ở đây là chức năng xét xử và chức năng truy tố.

Điều 196 Bộ luật TTHS năm 2003 đã sửa đổi so với Điều 170 Bộ luật TTHS năm 1988: Điều 196 Bộ luật TTHS năm 2003 đã thể hiện sự khác hơn Điều 170 Bộ luật TTHS trước đây, khi cho phép Tòa án được xét xử bị cáo theo tội danh khác nếu tội danh nhẹ hơn tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, hoặc đã cho phép Tòa án được xét xử khung hình phạt khác trong cùng tội danh mà Viện kiểm sát truy tố. Đây là một bước phát triển của Bộ luật TTHS 2003 về giới hạn xét xử sơ thẩm.

Giới hạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự có thể hiểu là phạm vi những người, những hành vi mà Hội đồng xét xử sơ thẩm được xét xử tại phiên tòa. Phạm vi đó không phải là vô hạn mà ngược lại nó được hạn chế bởi phạm vi mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cáo trạng và trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. Trong TTHS, việc tổ chức các cơ quan tiến hành tố tụng thành cơ quan điều tra, cơ quan truy tố (Viện kiểm sát), cơ quan xét xử (Tòa án) và quy định mỗi loại cơ quan nói trên thực hiện một loại chức năng nhất định phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ đấu

tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Xuất phát từ mục đích của TTHS là giải quyết vụ án hình sự một cách nhanh chóng, công minh và đúng pháp luật, bảo vệ có hiệu quả lợi ích của xã hội, các quyền và lợi ích của công dân. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có trách nhiệm phối hợp với nhau trong quá trình TTHS. Tuy nhiên, để tránh lạm quyền, bảo đảm cho tố tụng đạt hiệu quả, không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội và phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, Bộ luật TTHS còn có những quy định về quan hệ chế ước giữa Tòa án và Viện kiểm sát ở giai đoạn tố tụng này. Việc xét xử của Tòa án chỉ được tiến hành khi có cáo trạng, nhưng điều này hoàn toàn không có nghĩa rằng cứ có cáo trạng của Viện kiểm sát thì Tòa án phải mở phiên tòa xét xử và phải xét xử như nội dung được nêu trong cáo trạng. Cụ thể, trong giai đoạn xét xử, Tòa án sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án cùng bản cáo trạng của Viện kiểm sát, nếu Tòa án đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát thì Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử (khoản 2 Điều 176). Nếu Tòa án không đồng ý, Tòa án có thể trả hồ sơ điều tra bổ sung hay quyết định tạm đình chỉ hay đình chỉ vụ án (Điều 179, 180 Bộ luật TTHS 2003). Bằng các quy phạm pháp luật nói trên, Bộ luật TTHS đã pháp lý hoá các quan hệ chế ước giữa cơ quan buộc tội và cơ quan xét xử và một trong những nội dung nói trên thể hiện trong quy định về giới hạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.